TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Luật.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: ÔngVũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 661/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm: 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TA, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TA, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại tòa án nguyên đơn – Ông Phan Văn B trình bày:

Ông Phan Văn B và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1977, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Hải, tỉnh Bình Trị Thiên nay là xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung trước đây có nhiều mâu thuẫn nhưng ông B và bà L tự giải quyết được, nhưng đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2018, cuộc sống giữa ông B và bà L xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình và về lối sống nên thường xuyên cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát, ngoài ra bà L còn ghen tuông vô cớ. Ông B và bà L đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng

tình hình vẫn không có gì thay đổi. Từ tháng 9/2019 thì ông B dọn ra ngoài sinh sống, từ đó đến nay ông B và bà L ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông B và bà L có 05 người con chung:

1. Phan Kim T, sinh năm: 1978.
2. Phan Thị T, sinh năm: 1979.
3. Phan Thị T2, sinh năm: 1983.
4. Phan Văn T1, sinh năm: 1985.
5. Phan Văn T2, sinh năm: 1993.

Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông B không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông B và bà L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phan Văn B và bà L không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông B trình bày là đúng bà L không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung giữa bà L và ông B có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình, về lối sống nên thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát nhưng vợ chồng tự giải quyết được. Đến tháng 4/2019 ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà L đã bắt gặp qua tin nhắn tình cảm trong điện thoại của ông B, nhưng ông B không thừa nhận, bà L đã khuyên bảo ông B nhiều lần nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 4/2019 đến nay bà L và ông B ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay theo yêu cầu ly hôn của ông B thì bà L không đồng ý ly hôn, vì bà L còn tình cảm với ông B; bà L và ông B đã cao tuổi nên bà L muốn sống vì gia đình.

Về con chung: Bà L và ông B có 05 người con chung tên:

1. Phan Kim T, sinh năm: 1978
2. Phan Thị T, sinh năm: 1979
3. Phan Thị T2, sinh năm: 1983
4. Phan Văn T1, sinh năm: 1985
5. Phan Văn T2, sinh năm: 1993

Hiện nay các con đã trưởng thành, nên bà L không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Trường hợp ông B nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì về tài sản chung bà L và ông B tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L và ông B không có nợ chung.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn còn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây. Tuy nhiên vụ án còn để

kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Phan Văn B yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị L đây là quan hệ pháp luật "ly hôn" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị L có nơi cư trú tại địa bàn huyện Xuyên Mộc theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà L xây dựng gia đình vào năm 1977 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Hải, tỉnh Bình Trị Thiên (nay là xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông B và bà L trình bày có sự thống nhất là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình, về lối sống nên thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô sát, nhưng ông B và bà L tự giải quyết được nhưng đỉnh điểm là vào năm 2018 ông B và bà L tiếp tục xảy ra mâu thuẫn vì những nguyên nhân trên, ngoài ra vợ chồng cũng không còn tin tưởng nhau. Từ tháng 9/2019 đến nay ông B và bà L ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do ông B và bà L không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa ông B và bà L. Tuy nhiên, hiện nay ông B và bà L không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của ông B, bà L.

Xét yêu cầu của ông B cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông B và bà L phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng từ tháng 9 năm 2019 đến nay ông B và bà L ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Bà L cho rằng vẫn còn tình cảm với ông B và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy bà L yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng bà L không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích ông B và bà L trở về đoàn tụ chung sống nhưng ông B vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông B và bà L thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà L.

[3] Về con chung: Ông B và bà L có 05 con chung tên: Phan Kim T, sinh năm: 1978; Phan Thị T, sinh năm: 1979; Phan Thị T2, sinh năm: 1983; Phan Văn T1, sinh năm: 1985; Phan Văn T2, sinh năm: 1993.

Hiện các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông B và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông B và bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Ngày 21/9/2020 ông Phan Văn B có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B được miễn nộp án phí do là người cao tuổi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông B theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn B đối với bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn B được ly hôn với bà Trần Thị L.

2. Về con chung: Ông B và bà L có 05 con chung tên: Phan Kim T, sinh năm: 1978; Phan Thị T, sinh năm: 1979; Phan Thị T2, sinh năm: 1983; Phan Văn T1, sinh năm: 1985; Phan Văn T2, sinh năm: 1993, các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn B và bà Trần Thị L, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Phan Văn B và bà Trần Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Ông Phan Văn B được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phan Văn B số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (B trăm nghìn đồng) ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,

7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo